

Số: /BC-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính Nhà nước năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Thực hiện Công văn số 581/BNV-CCHC ngày 21/02/2022 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ;

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính nhà nước năm 2022 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Tình hình triển khai thực hiện

Nhằm tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh và tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương về công tác cải cách hành chính; triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước năm 2022 và ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành về cải cách hành chính để các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh làm căn cứ triển khai thực hiện. Đồng thời, thành lập Ban Chỉ đạo cải cách hành chính và ban hành Quy chế làm việc Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của tỉnh¹. Phối hợp với Bộ Nội vụ tiến hành xác định Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức (Sipas), Chỉ số cải cách hành chính (Par Index) của tỉnh².

Kết quả các Chỉ số của tỉnh năm 2021: Chỉ số cải cách hành chính (*Par index*) đạt 85,02%, (tăng 1,17% so với năm 2020), đứng thứ 49/63 tỉnh, thành phố; Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (*Sipas*) đạt 82,98% (tăng 3,13% so với năm 2020), đứng thứ 62/63 tỉnh, thành phố; Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (*Papi*) đạt 40,394/80 điểm, đứng thứ 48/63 tỉnh, thành phố.

Nhằm đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, góp phần nâng cao các Chỉ số của tỉnh. Trong năm, tỉnh tổ chức thành công: Hội nghị

¹ Quyết định số 3223/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước năm 2022; Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 06/6/2022 ban hành Kế hoạch thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính năm 2022 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 14/4/2022 thành lập Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính tỉnh Bình Phước; Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh Bình Phước; Công văn số 140/UBND-NC về việc thuận chủ trương tổ chức tập huấn, học tập kinh nghiệm về công tác cải cách hành chính.

² Báo cáo số 41/BC-UBND ngày 15/02/2022 kết quả tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần chỉ số cải cách hành chính năm 2021; Công văn số 144/UBND-NC ngày 20/01/2022 phối hợp điều tra xã hội học phục vụ xác định Chỉ số cải cách hành chính (Par Index) năm 2021.

nâng cao Chỉ số quản trị hành chính công (Papi), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức (Sipas), Chỉ số cải cách hành chính (Par Index); Hội thảo cải thiện, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh và Hội nghị tọa đàm chuyên đề về công tác dân vận của chính quyền trong cải cách hành chính. Đồng thời, tổ chức Đoàn đi tập huấn, học tập kinh nghiệm các mô hình sáng kiến về cải cách hành chính tại thành phố Đà Nẵng.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã tiến hành xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố. Kết quả: Có 09/31 cơ quan, đơn vị, địa phương có Chỉ số nằm trong nhóm tốt³ (có Chỉ số từ 90% trở lên); 22/31 cơ quan, đơn vị, địa phương có Chỉ số nằm trong nhóm khá⁴ (có Chỉ số từ 80% đến dưới 90%); không còn cơ quan, đơn vị, địa phương có Chỉ số nằm trong nhóm trung bình và nhóm yếu (Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh, tổ chức họp công bố kết quả Chỉ số của các cơ quan, đơn vị, địa phương). Đồng thời, thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính theo Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Về công tác kiểm tra cải cách hành chính

Công tác kiểm tra về cải cách hành chính được tiến hành kiểm tra theo đúng Kế hoạch đề ra, cụ thể Đoàn kiểm tra cải cách hành chính (Đoàn kiểm tra 801) đã tiến hành kiểm tra tại 07 cơ quan, đơn vị, địa phương, gồm: Sở Xây dựng; Lao động - Thương binh và Xã hội; Kế hoạch và Đầu tư; Khoa học và Công nghệ và Ban Quản lý Khu kinh tế; UBND thành phố Đồng Xoài và UBND huyện Lộc Ninh⁵. Bên cạnh đó, Tổ kiểm tra chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính tiến hành kiểm tra tại 04 cơ quan, đơn vị, gồm: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, UBND huyện Bù Đăng, UBND thị xã Chơn Thành. Đoàn kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) tiến hành kiểm tra tại 11/11 UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Qua kiểm tra cho thấy, phần lớn các cơ quan, đơn vị, địa phương đã triển khai kịp thời, đầy đủ các nhiệm vụ cải cách hành chính, hồ sơ TTHC giải quyết trễ hện cho người dân, tổ chức đã giảm dần, việc tự khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức trong giải quyết TTHC tại các cơ quan, đơn vị đã thực đồng bộ trên toàn tỉnh.

³ Sở Xây dựng, Sở Nội vụ, Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Sở Tư pháp, Sở Công Thương, Sở Thông tin và Truyền thông và thị xã Bình Long

⁴ Văn phòng UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động- Thương binh và Xã hội, Sở Giao thông Vận tải, Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Quản lý khu kinh tế, Ban Dân tộc, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Y tế, Thanh tra tỉnh, thành phố Đồng Xoài, thị xã Phước Long và các huyện: Lộc Ninh, Phú Riềng, Bù Đăng, Chơn Thành, Bù Đốp, Hớn Quản, Phước Long, Bù Gia Mập, Đồng Phú

⁵ Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 31/3/2022 về việc kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022 và Quyết định số 801/QĐ-UBND ngày 04/5/2022 của UBND tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra công tác cải cách hành chính.

3. Về công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 06/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính năm 2022 trên địa bàn tỉnh. Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tuyên truyền phổ biến, quán triệt các văn bản liên quan đến công tác cải cách hành chính trong các buổi họp cơ quan, trong ngày pháp luật định kỳ hàng tháng, qua hệ thống quản lý văn bản và trên trang Website của các cơ quan, đơn vị, địa phương; trên Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước, trên loa truyền thanh, bằng pano, áp-phích...

Định kỳ, hàng quý phát hành bản tin cải cách hành chính và tổ chức nhà nước do Sở Nội vụ thực hiện. Tuyên truyền thông qua Hội nghị tọa đàm về công tác Dân vận của chính quyền trong cải cách hành chính (theo Kế hoạch số 57-KH/BSĐ-BDVTU ngày 27/4/2022 của Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Dân vận tỉnh); tuyên truyền thông qua Cuộc thi video, clip “Chung tay cải cách hành chính” năm 2022 (theo Kế hoạch số 02/KH-CDVC ngày 10/02/2022 của Công đoàn Viên chức tỉnh) do Công đoàn Viên chức tỉnh chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ tổ chức (Kết quả: 01 giải nhất; 01 giải nhì; 01 giải ba và 02 giải khuyến khích).

Bên cạnh đó, Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước đã thực hiện, phát sóng 124 tin, phóng sự phát thanh, truyền hình có liên quan đến lĩnh vực cải cách hành chính và chuyển thể trên các loại hình báo in, báo điện tử. 122 tin bài đăng trên báo in, báo điện tử. Nội dung nhấn mạnh công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và lãnh đạo tỉnh về CCHC; kết quả CCHC, những sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh; nỗ lực của các địa phương trong việc thực hiện chuyển đổi số từ việc xây dựng và ban hành nghị quyết về chuyển đổi số; chủ trương phát triển doanh nghiệp công nghệ số; các chương trình, dự án hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số; về vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan trong việc kịp thời tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh; vai trò và sự tham gia của người dân trong chuyển đổi số... chuyên mục IT TODAY, kênh tuyên truyền sâu rộng, đậm nét về cải cách hành chính, chuyển đổi số của tỉnh⁶.

⁶ **Một số tin, bài tiêu biểu:** Công bố ứng dụng định danh điện tử VNEID; Dịch vụ công trực tuyến chuyển biến rõ rệt từ chiến dịch 92 ngày đêm; Hướng đến mỗi người dân Bình Phước có một hồ sơ sức khỏe điện tử; Sử dụng CCCD gắn chip để xác định nơi cư trú; Cần thêm giải pháp cải thiện, nâng cao chất lượng CCHC; Bình Phước trong top 10 tỉnh, thành dẫn đầu chỉ số DTI; Loay hoay với dịch vụ công trực tuyến; Triển khai đồng bộ đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử; DDCCI- “truyền lửa” cạnh tranh, thúc đẩy cải cách; Bảo vệ an ninh mạng trong cơ quan nhà nước; Đưa dịch vụ ngân hàng số đến gần người dân; Phước Long dẫn đầu DDCCI bằng sự sáng tạo, đổi mới; Những Bí thư chi bộ 4.0... Nhiều tiện ích từ thanh toán không dùng tiền mặt; Một số ứng dụng do cơ quan Nhà nước phát triển có lượt tải tăng; Ứng dụng công nghệ vào chăm sóc khách hàng; Chuyển đổi số - điều kiện thuận lợi để Việt Nam thay đổi thứ hạng; Truyền thông chính sách trong bối cảnh chuyển đổi số; Nhanh chóng thực hiện chuyển đổi số trong ngành y tế; Việt Nam - Campuchia đẩy mạnh hợp tác về viễn thông và chuyển đổi số; Chuyển đổi số để quản trị doanh nghiệp hiệu quả; Tăng hiệu quả kinh doanh nhờ đổi mới công nghệ; Bình Phước: Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở y tế; Quyết liệt làm sạch dữ liệu dân cư; Đồng Xoài đạt giải thưởng Thành phố thông minh Việt Nam năm 2022; Tập

4. Tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao

Tổng số nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao là 150. Trong đó, 47 nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn và trước hạn; 103 nhiệm vụ đang thực hiện trong hạn.

5. Mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC

Trong năm 2022, trên địa bàn tỉnh có 12 sáng kiến, giải pháp mới trong công tác cải cách hành chính được UBND tỉnh công nhận theo Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 11/3/2022, Quyết định số 1538/QĐ-UBND ngày 25/8/2022, Biên bản họp Hội đồng Sáng kiến tỉnh Bình Phước đợt 3 năm 2022 ngày 10/11/2022, gồm:

a) Sáng kiến, giải pháp mới trong lĩnh vực chỉ đạo điều hành

- Xây dựng và tham mưu Tỉnh ủy ban hành Quy định trách nhiệm giám sát thường xuyên của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước.

- Phương pháp nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát môi trường tại các trại chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Bộ tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, lưu hành nội bộ ngành Thanh tra tỉnh Bình Phước.

- Xác định Chỉ số cải cách hành chính của UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Biện pháp phối hợp trong công tác quản lý Nhà nước về công chứng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Nâng cao chất lượng công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo của công dân trong tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

b) Sáng kiến, giải pháp mới trong lĩnh vực cải cách TTHC

đoàn Viettel sẽ hỗ trợ Bình Phước chuyển đổi số và y tế, giáo dục thông minh; Thành phố thông minh: Tầm nhìn và khát vọng; Bình Thắng giải quyết tốt chế độ chính sách; Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính ngay từ cơ sở; Hoạt động quản lý nhà nước ở các xã vùng xa huyện Lộc Ninh Kiểm soát chặt chẽ việc giải quyết thủ tục hành chính; Thủ tướng: Đẩy mạnh cải cách hành chính, khơi thông cho phát triển; Người dân, doanh nghiệp - động lực chuyển đổi số; Đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử; Bình Phước: UBND tỉnh kiểm tra công tác cải cách hành chính tại TP. Đồng Xoài; Bình Phước cải cách thủ tục hành chính để phục vụ tốt hơn; Hợp tác chuyển đổi số - “chìa khóa” mở ra nhiều cơ hội; Công an tỉnh: Linh hoạt giải quyết thủ tục hành chính; Đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; Kiện toàn Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ; “Mắt xích” xây dựng nền hành chính hiện đại; Giá trị hạnh phúc tạo dựng từ xã hội số; Ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử: Phục vụ 5 nhóm tiện ích; Quyết tâm giữ vững vị trí dẫn đầu về cải cách hành chính; Phê duyệt thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ; Thi đua, tạo đột phá về cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số; Tuổi trẻ xung kích cải cách hành chính; Lộc Ninh tiên phong chuyển đổi số toàn diện; Áp dụng tối đa công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính; Bình Phước: Cải cách hành chính tập trung vào phát triển và xây dựng chính quyền điện tử...

Phương pháp dự báo tiến độ giải quyết thủ tục hành chính nhằm khắc phục tình trạng hồ sơ trễ hạn; Phần mềm lập phương án quản lý rừng bền vững.

c) Sáng kiến, giải pháp mới trong lĩnh vực tài chính công

Phương pháp khắc phục những hạn chế của quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp ở địa phương, tỉnh Bình Phước.

d) Sáng kiến, giải pháp mới trong lĩnh vực chính quyền điện tử, chính quyền số

- Nghiên cứu xây dựng chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Mô đun tự động hóa xây dựng kỹ yếu về các đối tượng đã được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

- Xây dựng hệ thống tạo lập và quản lý cơ sở dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành chính quyền số cấp xã.

d) Sáng kiến, giải pháp mới trong lĩnh vực công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo

Nâng cao chất lượng công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo của công dân trong tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Cải cách thể chế

a) Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 27/01/2021 của UBND tỉnh về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh và Công văn số 894/UBND-NC ngày 25/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc nâng cao chất lượng xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật bám sát các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước.

Trong năm 2022, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành gồm 57 văn bản quy phạm pháp luật, gồm: 38 Nghị quyết (*17 Nghị quyết được thông qua cuối năm 2021, 21 Nghị quyết trong năm 2022*) và 28 Quyết định (*04 Quyết định ban hành cuối năm 2021, 24 Quyết định trong năm 2022*), HĐND, UBND cấp huyện ban hành 20 văn bản quy phạm pháp luật (*02 Nghị quyết và 18 Quyết định*). Quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tuân thủ chặt chẽ theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên. Tất cả các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh khi ban hành đều được tập thể thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua.

Đồng thời, theo thẩm quyền Sở Tư pháp thực hiện góp ý 300 văn bản gồm: 44 văn bản của Trung ương (*Dự án Luật, Nghị định, Thông tư, Quyết định, Chương trình, Kế hoạch*); 256 văn bản của địa phương (24 *Nghị quyết*, 67 *Quyết định*; 165 *văn bản khác*); thực hiện thẩm định 61 văn bản (29 *Nghị quyết*; 32 *Quyết định*).

b) Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật

Nhằm tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh; ngày 13/01/2022, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 10/KH-UBND về theo dõi thi hành pháp luật và quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2022 trên địa bàn tỉnh. Căn cứ Kế hoạch các Sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã đã xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật nói chung và trong lĩnh vực trọng tâm về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

Bên cạnh đó, thực hiện Quyết định số 76/QĐ-TTg ngày 14/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2022. Ngày 28/01/2022, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 27/KH-UBND về theo dõi tình hình thi hành pháp luật về thực hiện chính sách hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch COVID-19; lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh năm 2022. Đồng thời, tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo Quyết định số 1364/QĐ-BTP ngày 15/6/2022 của Bộ Tư pháp⁷.

Công tác kiểm tra tình hình thi hành pháp luật được thực hiện theo quy định. Cụ thể: Đã tiến hành kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực Bảo hiểm; kiểm tra liên ngành, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về thực hiện chính sách hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch COVID-19; lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh⁸. Ngoài ra, theo thẩm quyền Sở Tư pháp tiến hành

⁷ Kế hoạch số 229/KH-UBND ngày 04/8/2022 của UBND tỉnh về Tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Báo cáo số 319/BC-UBND ngày 14/10/2022 của UBND tỉnh Bình Phước Báo cáo Tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

⁸ Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm trên địa bàn tỉnh năm 2022; Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 28/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước theo dõi tình hình thi hành pháp luật về thực hiện chính sách hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch COVID-19; lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh; Báo cáo số 219/BC-ĐKT ngày 05/9/2022 của Trường Đoàn kiểm tra 135 về Kết quả thực hiện tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực Bảo hiểm trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2022 và Kết luận số 386/KL-UBND ngày 01/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước về Kết luận kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực Bảo hiểm trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2022; Thông báo số 245/TB-ĐKT ngày 28/11/2022 của Trường Đoàn Kiểm tra về Thông báo kết quả kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về thực hiện chính sách hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động, doanh nghiệp, hợp

khảo sát 100 cán bộ, công chức, viên chức và 50 cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh trong việc thi hành pháp luật.

c) Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật được thực hiện theo quy định. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 307/KH-UBND ngày 08/10/2021 về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022 trên địa bàn tỉnh; theo đó, tập trung phổ biến, giáo dục pháp luật các văn bản pháp luật như: Hiến pháp năm 2013; Luật Nghĩa vụ quân sự; Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; Luật Giao thông đường bộ; Luật Bảo vệ môi trường; Luật Đất đai; Luật Hộ tịch; Luật Lâm nghiệp... và triển khai các văn bản pháp luật mới được ban hành và có hiệu lực trong năm 2022 đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

Ngoài ra, Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh (do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng) đã ban hành Công văn số 121/HĐPB ngày 14/02/2022 về việc phổ biến văn bản luật mới được Quốc hội thông qua và triển khai một số nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật gửi các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện; đồng thời, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 25/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022-2027” trên địa bàn tỉnh; qua đó, tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cơ quan thông tin, báo chí trong thực hiện truyền thông, chính sách, pháp luật của nhà nước, đảm bảo sự gắn kết chặt chẽ giữa công tác xây dựng pháp luật với công tác tổ chức thi hành pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh.

d) Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

Công tác kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo quy định. Tổng số văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh và UBND tỉnh ban hành đã qua rà soát là 66 văn bản (28 Quyết định quy phạm pháp luật, 38 Nghị quyết). Qua kiểm tra, các văn bản quy phạm pháp luật đều đang còn hiệu lực thi hành và không có sai sót về nội dung.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Kết quả đánh giá chất lượng giải quyết TTHC; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

Thực hiện Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đánh giá việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và rà soát đơn giản hóa TTHC, chuẩn

hóa nâng cấp dịch vụ công; Kế hoạch Truyền thông hỗ trợ hoạt động cải cách, kiểm soát thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền số, chuyển đổi số và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; Kế hoạch kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2022-2025 và Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh làm căn cứ thực hiện⁹.

Trong năm, ban hành 25 Quyết định công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh, trong đó quy định cụ thể quy trình phối hợp giải quyết TTHC giữa các cơ quan, đơn vị; đồng thời, công bố phương án đơn giản hóa và cắt giảm thời gian so với quy định công bố Trung ương¹⁰ (85 TTHC công bố mới; 822 TTHC sửa đổi, bổ sung; 76 TTHC bãi bỏ; 01 TTHC liên thông; 02 TTHC thay thế).

Nhằm đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính tạo môi trường thông thoáng phục vụ ngày càng tốt hơn, đáp ứng yêu cầu của người dân, doanh nghiệp. Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 16-CT/TU ngày 25/6/2022 về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh; UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch phát động cao điểm chiến dịch 92 ngày đêm “Nâng cao hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến; đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển Chính quyền số từ ngày 01/6/2022 đến ngày 31/8/2022”. Theo đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đã xây dựng chương trình hành động, triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp để đạt được các mục tiêu Kế hoạch đề ra một cách nhanh chóng, hiệu quả và tiết kiệm; cụ thể kết quả của chiến dịch 92 ngày đêm: Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ đạt 80%; tỷ lệ hồ sơ, TTHC xử lý trực tuyến đạt 50%; tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 100% tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và bộ phận một cửa cấp huyện; tỷ lệ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trực tuyến đạt 50%; 100% hồ sơ, TTHC được giải quyết đúng hạn, không để hồ sơ chuyển qua trạng thái trễ hạn.

Nhằm kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế trong việc giải quyết hồ sơ TTHC cho người dân, tổ chức. Đoàn Kiểm tra theo Quyết định số 545/QĐ-

⁹ Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 17/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đánh giá việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và rà soát đơn giản hóa TTHC, chuẩn hóa nâng cấp dịch vụ công trên địa bàn tỉnh năm 2022; Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 07/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Truyền thông hỗ trợ hoạt động cải cách, kiểm soát thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền số, chuyển đổi số và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC năm 2022; Kế hoạch số 302/KH-UBND ngày 18/10/2022 về kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2022-2025 và Kế hoạch số 316/KH-UBND ngày 25/10/2022 về rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh

¹⁰ Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch cắt giảm 34% thời gian giải quyết TTHC so với Quyết định công bố của Trung ương; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội cắt giảm 34,37% thời gian giải quyết TTHC so với Quyết định công bố của Trung ương; Sở Xây dựng cắt giảm 33,8% thời gian giải quyết TTHC so với Quyết định công bố của Trung ương.

UBND ngày 24/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiến hành kiểm tra hoạt động kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại 11 huyện, thị xã, thành phố và 22 đơn vị hành chính cấp xã thuộc 11 huyện, thị xã, thành phố theo Kế hoạch.

b) Số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương

Tổng số TTHC được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thực hiện trên địa bàn tỉnh là 1.799. Trong đó: 1.302 TTHC cấp tỉnh, 232 TTHC cấp huyện, 91 TTHC cấp xã, 74 TTHC thực hiện tại cơ quan đơn vị, 100 TTHC thực hiện liên thông giữa các cấp chính quyền. Bên cạnh đó, công bố 64 TTHC của cơ quan ngành dọc, gồm: Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh (33 TTHC cấp tỉnh, 17 TTHC cấp huyện và 14 TTHC cấp xã).

c) Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

- Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận một cửa các cấp

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện tiếp nhận TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh của 20 sở, ban, ngành; trong đó có 14/20 sở, ban, ngành đưa 100% TTHC ra tiếp nhận tại Trung tâm¹¹. 11/11 huyện, thị xã, thành phố và 111/111 xã, phường, thị trấn có Bộ phận một cửa để tiếp nhận và trả kết quả cho người dân, tổ chức. Các TTHC được niêm yết công khai theo quy định.

Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận một cửa các cấp được đầu tư và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ, hiện đại; việc xử lý hồ sơ thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp thực hiện trên phần mềm một cửa điện tử (dichvucong.binhphuoc.gov.vn). Công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị, địa phương được cử đến làm việc theo quy định, phù hợp với tình hình thực tế.

- Thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC

Hiện tại, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận một cửa cấp huyện đã thực hiện số hóa 100% hồ sơ TTHC đảm bảo theo quy định về hồ sơ đầu vào đối với các TTHC đã công bố trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

Để đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi số, UBND tỉnh đã tổ chức Hội thảo triển khai số hóa trong thực hiện TTHC theo Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 13/5/2022 với sự tham gia của lãnh đạo các sở, ban ngành tỉnh; lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và công chức được phân công làm nhiệm vụ đầu mối kiểm soát TTHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương. Bên cạnh đó, theo thẩm quyền Sở Thông tin và Truyền thông ban hành văn bản hướng dẫn các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện công tác số hóa, trong đó ưu tiên số hóa các nội dung hồ sơ dịch vụ công trực tuyến còn hiệu lực, phục vụ giải quyết hồ sơ trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp. Sở Nội

¹¹ Sở Nội vụ; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Giáo dục Đào tạo; Sở Ngoại vụ; Ban Quản lý Khu kinh tế; Sở Khoa học Công nghệ; Sở Công Thương; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Xây dựng; Sở Tài nguyên và Môi trường.

vụ chủ trì và phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông đưa vào sử dụng và vận hành tốt các phần mềm hỗ trợ công tác số hóa¹².

Đồng thời, thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030; UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 01/3/2021 triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC tại các cấp chính quyền ở địa phương trên phần mềm dịch vụ công (dichvucong.binhphuoc.gov.vn):

+ Cấp tỉnh: Tiếp nhận 66.689 hồ sơ. Kết quả: 65.806 hồ sơ đã giải quyết. Trong đó: 64.687 hồ sơ đã giải quyết trước hạn và đúng hạn (đạt 98,30%), 1.119 hồ sơ giải quyết quá hạn; 883 hồ sơ đang giải quyết.

+ Cấp huyện: Tiếp nhận 409.572 hồ sơ. Kết quả: 372.137 hồ sơ đã giải quyết. Trong đó: 361.374 hồ sơ đã giải quyết trước hạn và đúng hạn (đạt 97,11%), 10.763 hồ sơ giải quyết quá hạn; 37.435 hồ sơ đang giải quyết.

+ Cấp xã: Tiếp nhận 183.379 hồ sơ. Kết quả: 182.742 hồ sơ đã giải quyết. Trong đó: 181.278 hồ sơ đã giải quyết trước hạn và đúng hạn (đạt 97,11%), 1.464 hồ sơ quá hạn; 633 hồ sơ đang giải quyết.

- Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: Tại thời điểm báo cáo, tổng số phản ánh kiến nghị được tiếp nhận trên Cổng dịch vụ công là 106, trong đó 45 phản ánh kiến nghị đã được xử lý và công khai theo quy định, 61 phản ánh kiến nghị đang được xử lý.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

Thực hiện Quyết định số 762-QĐ/TU ngày 28/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về dừng thực hiện thí điểm mô hình tổ chức bộ máy ở các huyện, thị xã, thành phố; Quyết định số 763-QĐ/TU ngày 30/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thu hồi Quyết định về sắp xếp tổ chức bộ máy và Quyết định số 764-QĐ/TU ngày 30/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về dừng thực hiện thí điểm mô hình tổ chức bộ máy ở các sở, ban, ngành tỉnh. UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 3829/UBND-NC ngày 08/12/2022 chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo chỉ đạo của Tỉnh ủy. Theo đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ Thông tư hướng dẫn

¹² Phần mềm cơ sở dữ liệu đặc tả và số hóa tài liệu lưu trữ theo Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 03/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực theo Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 26/5/2020 của UBND tỉnh; Phần mềm tác nghiệp và quản lý cơ sở dữ liệu hồ sơ công tác thi đua, khen thưởng

của các Bộ, ngành, Trung ương và trên cơ sở chủ trương của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về sắp xếp, tổ chức bộ máy khẩn trương kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định và tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị để làm căn cứ thực hiện.

b) Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại địa phương

Trong năm 2022, thành lập Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Minh Hưng, huyện Chơn Thành; sửa đổi, bổ sung Quy định về tổ chức bộ máy và cơ chế tài chính của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh. Giải thể Chi nhánh số 2 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước; giải thể Quỹ bảo trì đường bộ. UBND tỉnh ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tổ chức bộ máy và tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước và ban hành 04 Quyết định, 01 Kế hoạch theo thẩm quyền liên quan đến tổ chức bộ máy¹³; 11 Quyết định kiện toàn, thay đổi thành viên các Ban Chỉ đạo, các Đoàn kiểm tra¹⁴; 05 báo cáo theo yêu cầu của Bộ Nội vụ¹⁵.

c) Đánh giá về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức

UBND tỉnh đã tham mưu Ban Cán sự đảng UBND tỉnh trình Thường trực Tỉnh ủy Kế hoạch quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức giai đoạn 2022 - 2026, Kế hoạch giao biên chế năm 2023; Trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết giao biên chế sự nghiệp năm 2022, theo đó UBND tỉnh ban hành 30 Quyết định giao 19.553 biên chế viên chức (*trong đó biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước là 18.512 biên chế, biên chế hưởng lương từ nguồn thu của đơn vị sự nghiệp là 1.041 biên chế*) cho 30 cơ quan, địa phương, đơn vị.

¹³ Quyết định Quy định về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; Phê duyệt Chương trình công tác năm 2022 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thuỷ lợi Bình Phước, Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước; Phê duyệt Chương trình công tác năm 2022 và Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Người đại diện vốn Nhà nước năm 2021; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Kiểm soát viên các Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm Chủ sở hữu năm 2021 trên địa bàn tỉnh. Ban hành Kế hoạch tiếp và làm việc với Đoàn kiểm tra của Bộ Nội vụ kết quả tổ chức bộ máy, biên chế, tình hình biên chế, vị trí việc làm, đơn vị sự nghiệp công lập; Ban hành văn bản triển khai thực hiện Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, xử lý tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNN.

¹⁴ Quyết định phê duyệt Đề án kiện toàn Văn phòng Điều phối Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới các cấp tỉnh Bình Phước; Kiện toàn Ban Chỉ đạo phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022 - 2025; kiện toàn Ban Chỉ đạo vận động hiến máu tình nguyện tỉnh Bình Phước; kiện toàn Ban Chỉ đạo hoạt động hè tỉnh Bình Phước; kiện toàn Ban Chỉ đạo vì sự tiến bộ phụ nữ; kiện toàn Đội Kiểm tra liên ngành về hoạt động văn hóa và phong, chống tệ nạn xã hội tỉnh Bình Phước; kiện toàn Hội đồng thẩm định và phân công nhiệm vụ thành viên Hội đồng thẩm định xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022 - 2025; kiện toàn Đoàn kiểm tra liên ngành về Internet và phòng chống in lậu; thay đổi thành viên Ban Hội nhập kinh tế quốc tế tỉnh Bình Phước; thay đổi nhân sự Hội đồng khoa học và Công nghệ; thay đổi nhân sự Hội đồng Quản lý Quỹ bảo vệ môi trường.

¹⁵ Báo cáo Bộ Nội vụ: Kết quả sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Kết quả thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP; Kết quả phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước theo Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh; báo cáo Đoàn kiểm tra của Bộ Nội vụ kết quả tổ chức bộ máy, biên chế, tình hình biên chế, vị trí việc làm, đơn vị sự nghiệp công lập.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định điều chuyển biên chế viên chức (số lượng người làm việc) Sở Giao thông vận tải, Sở Nội vụ; Kế hoạch tinh giản biên chế năm 2023; Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc đề nghị bổ sung 455 biên chế cho tỉnh và ban hành 05 báo cáo, 04 Kế hoạch theo quy định liên quan lĩnh vực biên chế¹⁶.

Trong năm 2022, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định phê duyệt danh sách tinh giản biên chế cho các cơ quan, đơn vị theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ gồm 220 trường hợp (08 công chức hành chính, 199 viên chức, 11 cán bộ, công chức cấp xã, 02 hợp đồng 68).

d) Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền ở địa phương

Thực hiện chính sách phân cấp, phân quyền được quy định tại Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 46/2021/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tổ chức bộ máy và tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tổ chức bộ máy và tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh. Việc thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước góp phần nâng cao tính chủ động của chính quyền địa phương trong quản lý, sử dụng các nguồn lực ở địa phương, đưa nền hành chính sát hơn với những đặc điểm kinh tế - xã hội cụ thể của địa phương, góp phần phục vụ tốt hơn các yêu cầu của tổ chức và Nhân dân địa phương.

4. Cải cách công vụ

a) Xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm

Thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, UBND tỉnh ban hành Công văn số 623/UBND-NC ngày 24/3/2022 về việc tự chủ về nhân sự trong đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh; Công văn số 832/UBND-NC ngày 19/4/2022 về việc triển khai thực hiện xây dựng Đề án vị trí việc làm và định mức biên chế công chức, số lượng người làm việc. UBND tỉnh phê duyệt được

¹⁶ Triển khai thực hiện xây dựng Đề án vị trí việc làm và định mức biên chế công chức, số lượng người làm việc theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ; Quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức giai đoạn 2022 – 2026; Triển khai Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 06/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định quy định về thẩm quyền duyệt biên chế và quỹ lương đối với các cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh (Thay thế Quyết định số 1830/QĐ – UBND ngày 28/8/2007 của UBND tỉnh).

Báo cáo Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức tuyển dụng bổ sung giáo viên mầm non, phổ thông cho năm học 2022 - 2023; Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát kết quả sắp xếp số lượng đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2015 – 2022; báo cáo kết quả thực hiện công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo các nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh; Báo cáo hoàn thiện số liệu phục vụ Đoàn Giám sát của Quốc hội về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

09 Đề án vị trí việc làm của 09 cơ quan, đơn vị với tổng số lượng người làm việc là 747 người¹⁷.

b) Thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức (thi tuyển, xét tuyển)

Trong năm 2022, tỉnh Bình Phước không tổ chức tuyển dụng công chức. Tuy nhiên, có ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức cho 09 cơ quan, đơn vị với số lượng viên chức được tuyển dụng là 434 viên chức¹⁸.

c) Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức; quy định về sử dụng, tuyển dụng và quản lý công chức và các quy định hiện hành về công tác cán bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thực hiện bổ nhiệm 07 trường hợp, điều động 11 trường hợp, kéo dài thời gian giữ chức vụ 02 trường hợp.

d) Thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị

Trong năm 2022, tỉnh Bình Phước đã tổ chức thành công kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên chính năm 2021 với 241 thí sinh tham dự (*bao gồm 10 thí sinh của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ*).

Đồng thời, thực hiện Quyết định số 416/QĐ-BNV ngày 01/6/2022 về việc công nhận kết quả thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên cao cấp, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định bổ nhiệm 13 cán bộ, công chức vào ngạch chuyên viên cao cấp.

Hiện tại, tỉnh Bình Phước tạm dừng thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý theo Công văn số 3660-CV/TU ngày 10/3/2020 của Tỉnh ủy, trong thời gian tạm dừng việc thi tuyển chức danh lãnh đạo quản lý, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện quy trình về công tác cán bộ theo Quyết định số 1443-QĐ/TU ngày 10/6/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, biệt phái, giới thiệu cán bộ ứng cử.

đ) Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương

Trong năm, UBND tỉnh tổ chức kiểm điểm 02 trường hợp¹⁹ và kiểm điểm, xử lý kỷ luật 01 trường hợp²⁰ là lãnh đạo quản lý. Giao UBND thành phố Đồng Xoài thực hiện việc kiểm điểm, xử lý kỷ luật 01 trường hợp²¹.

¹⁷ Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Xoài, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Chơn Thành, Ban Quản lý dự án huyện Phú Riềng, Ban Quản lý các dự án huyện Đồng Phú, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bù Gia Mập, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bù Đăng, Ban Quản lý các dự án thành phố Đồng Xoài, Trung tâm Quan trắc tài nguyên môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai.

¹⁸ UBND huyện Phú Riềng, Đồng Phú, Hớn Quản, Bù Đốp, thị xã Bình Long, Ban Quản lý Vườn Quốc gia Bù Gia Mập, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải.

¹⁹ Ông Trịnh Minh Hoài - nguyên Chủ tịch UBND huyện Hớn Quản; ông Nguyễn Thanh Bình - Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

e) Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

UBND tỉnh ban hành ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2022-2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước”; Kế hoạch Đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức xã của tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 16/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ; ban hành khung chương trình kiến thức, kỹ năng lãnh đạo quản lý cấp xã;

Quyết định cử 08 bác sĩ đi đào tạo sau Đại học²², 46 cán bộ Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn đi đào tạo liên thông Đại học, Cao đẳng hệ vừa học vừa làm²³ và hệ chính quy²⁴, 84 học viên tham gia lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên, 63 học viên tham gia lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính, 76 học viên tham gia lớp lãnh đạo quản lý cấp phòng. Quyết định bãi bỏ Quyết định số 56/2016/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Báo cáo Ủy ban Dân tộc công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật về thực hiện chính sách cử tuyển; Báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo kết quả thực hiện chế độ cử tuyển giai đoạn 2010-2021 và đăng ký chỉ tiêu năm 2022.

Ngoài ra, tổ chức 04 lớp bồi dưỡng đại biểu HĐND cấp huyện nhiệm kỳ 2021-2026 cho 354 đại biểu và 27 lớp bồi dưỡng đại biểu HĐND cấp xã nhiệm kỳ 2021-2016 cho 2.312 đại biểu.

g) Tình hình ban hành và kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút người có tài năng vào làm việc tại các cơ quan nhà nước ở địa phương

Việc thu hút nhân lực chất lượng cao năm 2022 được thực hiện theo Công văn số 1347/UBND-NC ngày 08/6/2022 của UBND tỉnh và được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng. UBND tỉnh đã thuận chủ trương thu hút 16 nhân lực chất lượng cao ngành Y tế²⁵ và ban hành Thông báo thu hút 22 chỉ tiêu nguồn nhân lực chất lượng cao ngành Y tế năm 2022²⁶.

5. Cải cách tài chính công

- Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước theo Kế hoạch được Chính phủ giao: Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đến thời điểm hiện nay là 13.554 tỷ đồng, bằng 111% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 95% dự toán điều chỉnh Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và tăng 6% so với cùng kỳ.

- Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công: Tổng số vốn giao cho các dự án do địa phương quản lý trong năm kế hoạch là 7.481.382 triệu

²⁰ Ông Quách Ái Đức - Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Sở Y tế.

²¹ Ông Nguyễn Xuân Tùng - Đảng ủy viên - Phó Giám đốc Sở Xây dựng (nguyên trưởng phòng Quản lý đô thị thành phố Đồng Xoài)

²² Đào tạo chuyên khoa cấp I: 07 người; Đào tạo chuyên khoa cấp II: 01 người

²³ gồm 1 học viên học hệ Đại học và 24 học viên học hệ Cao đẳng.

²⁴ gồm 13 học viên hệ Đại học và 08 học viên hệ Cao đẳng.

²⁵ 09 bác sĩ đa khoa, 1 bác sĩ CK I Răng hàm mặt và ký kết hợp đồng đào tạo cho 6 bác sĩ đa khoa.

²⁶ 09 bác sĩ đa khoa, 10 bác sĩ chuyên khoa, 3 bác sĩ CK cấp I.

đồng. Lũy kế thanh toán vốn đầu tư từ đầu năm là 4.266.213 triệu đồng, đạt 57,5% so với Kế hoạch giao.

- Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách:

Ngày 31/5/2022, Kiểm toán Nhà nước khu vực XIII tiến hành kiểm tra thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2021 (*niên độ ngân sách năm 2020*) tại tỉnh theo Quyết định số 40/QĐ-KVXIII. Tuy nhiên, đến nay Kiểm toán Nhà nước khu vực XIII chưa gửi báo cáo kiểm tra thực hiện kiến nghị kiểm toán. Trên cơ sở gửi Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII tại Công văn số 579/KTTN-TH; UBND tỉnh ban hành văn bản triển khai thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước²⁷.

b) Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 05 Nghị quyết²⁸, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 06 Quyết định²⁹ lĩnh vực tài chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước. Đồng thời, UBND tỉnh ban hành văn bản yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo kê khai lần đầu và báo cáo kê khai bổ sung tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản công; chỉ đạo việc sử dụng tài sản công tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết và chủ trương mở lớp bồi dưỡng kiến thức chuyên ngành thẩm định giá do Trung tâm Dữ liệu Quốc gia và Dịch vụ về giá tổ chức cho cán bộ, công chức bộ phận tài chính - kế hoạch, hành chính - quản trị và bộ phận chuyên môn khác có liên quan của sở, ban, ngành, đơn vị hành chính sự nghiệp khối tỉnh, các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp tiếp tục được thực hiện, các công ty TNHH MTV do Ủy ban nhân dân tỉnh sở hữu 100% vốn điều lệ và các công ty cổ phần

²⁷ Công văn 3565/UBND-HT ngày 22/11/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2021

²⁸ Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 ban hành quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp địa phương thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025; Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 ban hành quy định về định mức phân bổ chi ngân sách địa phương năm 2022, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025; Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 về dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán thu, chi ngân sách tỉnh năm 2022; Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 về phê chuẩn tổng quyết toán Ngân sách Nhà nước năm 2022; Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh về dự toán điều chỉnh thu, chi ngân sách địa phương năm 2022 và phân bổ dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2022, tỉnh Bình Phước.

²⁹ Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của UBND tỉnh về ban hành bảng tính giá thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của UBND tỉnh về ban hành danh mục và tổ chức mua sắm tài sản theo phương thức tập trung trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 của UBND tỉnh về quy định bảng giá nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 của UBND tỉnh quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 của UBND tỉnh Quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng và các hạng mục khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (trừ máy móc, thiết bị trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

có vốn góp của Ủy ban nhân dân tỉnh đều nỗ lực sắp xếp lại doanh nghiệp theo hướng tinh gọn bộ máy, tiết giảm chi phí, tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.

c) Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập

Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 29/11/2017 của Chính phủ; Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ *(đối với ngành khoa học công nghệ)*; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ *(đối với sự nghiệp kinh tế khác)*. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có: 16 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, 22 đơn vị bảo đảm chi thường xuyên, 35 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên *(trong đó: Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên: 4 đơn vị; số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên: 19 đơn vị; số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên: 12 đơn vị)*, 464 đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số ở địa phương

Xác định việc xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số và triển khai nền tảng, xây dựng khung kiến trúc Chính quyền điện tử *(phiên bản 2.0)*, bảo đảm công tác an toàn, an ninh thông tin là nhiệm vụ quan trọng và trọng tâm trong giai đoạn 2021-2025, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt, đưa ra các định hướng chiến lược và ban hành các văn bản cụ thể hóa để các cơ quan, đơn vị, địa phương làm căn cứ triển khai thực hiện, như: Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Quyết định số 239/QĐ/TU ngày 18/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ chuyên gia, tư vấn, Tổ kiểm tra, giám sát việc chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Quyết định số 3018/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND tỉnh về kiện toàn và đổi tên Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Bình Phước; Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh về phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022; Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh về thành lập Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh; Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 25/4/2022 của UBND tỉnh về triển khai “Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số” và Đề án “Xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số” trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 12/5/2022 của UBND tỉnh về thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục, bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày

21/4/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 27/QĐ-UBQGCĐS ngày 15/3/2022 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2022; Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 09/5/2022 của UBND tỉnh “Triển khai thử nghiệm Nền tảng địa chỉ số Quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 22/7/2022 của UBND tỉnh về triển khai nền tảng học trực tuyến mở đại trà phổ cập về kỹ năng số trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2022... Đồng thời, UBND tỉnh đã ký kết và đang triển khai thực hiện thỏa thuận hợp tác với các tập đoàn, doanh nghiệp lớn về phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số tại tỉnh, như: Tập đoàn VNPT, Viettel, Công ty FPT...

b) Xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật

Hiện nay, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đều có mạng nội bộ (LAN), kết nối internet với đường truyền mạng truyền số liệu chuyên dùng hoặc đường cáp quang để triển khai các ứng dụng phục vụ công việc; 100% cán bộ công chức, viên chức được trang bị máy tính phục vụ công tác chuyên môn. Mạng số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, nhà nước trên địa bàn tỉnh được xây dựng và kết nối từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã với 145 cơ quan hành chính nhà nước, 149 cơ quan Đảng, đơn vị khác trên địa bàn tỉnh; 310 cơ quan, đơn vị đã được lắp đặt đường truyền cáp quang, thiết bị đầu cuối, hệ thống định tuyến Router chuyên dùng

Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh được Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông (*thuộc Sở Thông tin và Truyền thông*) quản lý, vận hành. Là nơi tích hợp hệ thống chuyên dụng, bao gồm cả phần cứng (*các hệ thống máy chủ, hệ thống sao lưu khôi phục dữ liệu, hệ thống nguồn điện dự phòng*) và các hệ thống phần mềm dùng chung của tỉnh, các hệ thống chuyên ngành đặt tại Trung tâm THDL.

c) Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng

Được sự hỗ trợ của Bộ Thông tin và Truyền thông, tỉnh Bình Phước đã xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp bộ/tỉnh - LGSP; thực hiện tích hợp và chia sẻ liên thông 4 cấp phần mềm quản lý văn bản và điều hành (*giữa LGSP và NGSP*). Xây dựng hệ thống quản lý và chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh nhằm quản lý cơ sở dữ liệu thống nhất và dùng chung cho các hệ thống công nghệ thông tin khác trên toàn tỉnh, đáp ứng cho việc kết nối các ứng dụng, dịch vụ với các dữ liệu trao đổi có cấu trúc, định dạng khác nhau. Các hệ thống có thể kết nối khai thác, sử dụng, cập nhật thông qua các hàm dịch vụ cơ sở dữ liệu trên nền tảng trực tích hợp dữ liệu để đồng bộ hóa các dữ liệu dùng chung toàn tỉnh.

d) Kết quả xây dựng, phát triển dữ liệu

UBND tỉnh đã ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Bình Phước. Các cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung thực hiện kết nối, tích hợp các dữ liệu về hệ thống quản lý và chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh. Việc quản lý, vận hành hệ thống thông tin bảo

đảm, việc tiếp cận, trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu được thông suốt, kịp thời; đáp ứng các yêu cầu về an toàn, an ninh thông tin.

đ) Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ

Hiện trên địa bàn tỉnh đang sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp IOffice và OneWin Sys, đã kết nối, liên thông ngang, dọc 4 cấp cho 188 đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh; ngoài ra, có 46 đơn vị đơn vị ngoài công lập đã kết nối vào trực LGSP. Ước tính tỷ lệ văn bản điện tử được trao đổi trên môi trường điện tử giữa các cơ quan quản lý nhà nước hoàn toàn dưới dạng điện tử đạt 96% thông qua việc ứng dụng chữ ký số để đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và tính xác thực. Đến nay, tỉnh đã cấp 3.094 chứng thư số của cá nhân, tổ chức từ cấp tỉnh đến cấp xã (*cá nhân 2.460 chứng thư, tổ chức 405 chứng thư*); cấp 7.588 hộp thư công vụ cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh, tỷ lệ cán bộ, công chức, sử dụng hộp thư điện tử công vụ trong xử lý công việc đạt trên 90%.

Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến: Đã hoàn thiện kết nối thông suốt từ Trung ương với tỉnh và với cấp huyện, cấp xã với tổng số 137 điểm cầu (*15 điểm cầu cấp tỉnh, 11 điểm cầu cấp huyện và 111 điểm cấp xã*). Ngoài ra, các cơ quan, doanh nghiệp đã trang bị như: VNPT Bình Phước, Viettel Bình Phước, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Bình đoàn 16, Điện lực tỉnh). Từ đầu năm đến thời điểm báo cáo, đã kết nối trực tuyến trên 150 cuộc họp từ Trung ương tới cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Phần mềm họp không giấy Ecabinet do Sở Thông tin và Truyền thông quản trị, phân quyền cho các cơ quan, đơn vị sử dụng. Từ đầu năm đến nay, đã triển khai hơn 200 cuộc họp qua phần mềm này. Đồng thời, duy trì hoạt động Hệ thống đăng nhập duy nhất (SSO) nhằm tập trung các tài khoản trên các ứng dụng đơn lẻ, người quản trị và người sử dụng chỉ cần truy cập vào một lần vào một phần mềm để quản lý thông tin tài khoản.

e) Xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp

Việc ứng dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 tại tỉnh với tỷ lệ trên 90% đã giúp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh và tạo được niềm tin đối với người dân, doanh nghiệp. Ngoài ra, hệ thống thông tin một cửa điện tử được triển khai đồng bộ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, 11/11 UBND cấp huyện và 111/111 UBND cấp xã, góp phần hiện đại hóa, công khai, minh bạch hoạt động giải quyết các thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước.

g) Kết quả xây dựng, phát triển đô thị thông minh

Trung tâm IOC tỉnh và 03 Trung tâm IOC cấp huyện (*thành phố Đồng Xoài, thị xã Phước Long và thị xã Bình Long*) đã kết nối, giám sát các cơ sở dữ liệu đáp ứng tốt cho quá trình phát triển đô thị tại địa phương, nhu cầu của doanh nghiệp, người dân và phục vụ chỉ đạo điều hành của lãnh đạo. Ngoài ra, Hệ thống Camera an ninh và giao thông đã kết nối gần 400 camera an ninh vào

giao thông; kết nối camera tại các trung tâm hành chính cấp huyện và bộ phận tiếp nhận một cửa cấp xã (20 camera giao thông, 09 camera AI và các camera an ninh); kết nối chia sẻ dữ liệu Camera tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh với Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành Chính phủ, Thủ tướng chính phủ (19 camera).

h) Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4

Đến thời điểm hiện nay, toàn tỉnh có 1.640 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; 1.506 dịch vụ công được kết nối Cổng Dịch vụ công Quốc gia (xếp thứ 02/63 tỉnh, thành phố). Đã tích hợp ứng dụng thanh toán điện tử vào cổng Dịch vụ công của tỉnh, giúp người dân, doanh nghiệp thuận tiện trong sử dụng dịch vụ công mức độ 4.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt làm được

Nhìn chung, công tác cải cách hành chính nhà nước được các cấp, các ngành, các địa phương quan tâm triển khai thực hiện, Tỉnh ủy và UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo điều hành để triển khai thực hiện cải cách hành chính toàn diện trên cả sáu lĩnh vực: Cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số. Trong đó, chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính, tích hợp dịch vụ công trực tuyến lên Cổng dịch vụ công Quốc gia; đẩy mạnh sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Công tác thanh tra, kiểm tra cải cách hành chính, kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước ... người dân, tổ chức đã dần cảm nhận được sự nỗ lực của các cấp chính quyền tỉnh trong công cuộc cải cách hành chính thông qua việc tiếp cận dịch vụ công dễ dàng, phục vụ tốt trong quá trình giải quyết công việc.

Đặc biệt, nhằm đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính tạo môi trường thông thoáng phục vụ ngày càng tốt hơn, đáp ứng yêu cầu của người dân, doanh nghiệp. Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch phát động cao điểm chiến dịch 92 ngày đêm “Nâng cao hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến; đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển Chính quyền số đã góp phần thay đổi nhận thức của toàn hệ thống chính quyền từ tỉnh đến cấp xã trong việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, xây dựng chính quyền điện tử trong thời kỳ chuyển đổi số ngày càng mạnh mẽ. Từ đó, nâng cao sự quan tâm của các cấp chính quyền đối với công tác giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp, tạo nền nếp tốt trong việc triển khai dịch vụ công trực tuyến, số hóa trong tiếp nhận và giải quyết hồ sơ.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh còn một số hạn chế:

- Công tác chỉ đạo điều hành và chất lượng báo cáo cải cách hành chính tại một số cơ quan, đơn vị chưa đạt yêu cầu đề ra.

- Các hình thức tuyên truyền cải cách hành chính chưa thực sự đa dạng, chưa đủ sức lan tỏa và đạt được hiệu quả như mong đợi; kinh phí bố trí cho công tác cải cách hành chính còn hạn hẹp.

- Vẫn còn tồn tại tình trạng giải quyết hồ sơ TTHC trễ hẹn cho người dân, tổ chức. Do hồ sơ có thời điểm phát sinh nhiều, khi giải quyết TTHC phải gửi lấy ý kiến nhiều ngành, cơ quan, đơn vị khác nhau; tiếp nhận hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công thao tác chưa chuyên nghiệp theo quy trình giải quyết, việc kết nối liên thông TTHC chưa đầy đủ, phân quyền tiếp nhận hồ sơ cho đơn vị tiếp nhận.

- Nhân lực thực hiện công tác cải cách hành chính hạn chế, chưa được tập huấn, đào tạo bài bản do tại các cơ quan, đơn vị, địa phương công chức kiêm nhiệm nhiều công việc và thay đổi thường xuyên dẫn đến chất lượng công việc chưa cao.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2023

1. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 và Quyết định số 2685/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh. Hoàn thành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 của tỉnh đề ra.

Tăng cường đổi mới, sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành của các cấp chính quyền trong việc thực hiện công tác cải cách hành chính để nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính được giao; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; tiếp tục gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính với công tác thi đua, khen thưởng. Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền cải cách hành chính; kịp thời giải đáp các phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức về thực hiện cải cách hành chính.

2. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật để triển khai kịp thời, có chất lượng các quy định của Trung ương trên địa bàn tỉnh phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh để kịp thời bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành.

3. Thực hiện kiểm soát TTHC theo quy định của pháp luật; thường xuyên rà soát để đơn giản hóa TTHC tại tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước; cập nhật, công bố kịp thời TTHC và nhập dữ liệu vào Cổng dịch vụ công quốc gia. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 302/KH-UBND ngày 18/10/2022 về kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2022-2025 và Kế hoạch số 316/KH-UBND ngày 25/10/2022 về rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh cải cách TTHC theo Chỉ thị số 16-CT/TU ngày 25/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

4. Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ; mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

5. Tiếp tục thực hiện giao quyền tự chủ cho các đơn vị thực hiện theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Xây dựng và triển khai có hiệu quả Kế hoạch triển khai chuyển đổi số và an toàn thông tin mạng năm 2023. Đảm bảo mục tiêu tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ thúc đẩy hoàn thành xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, góp phần đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

Trên đây là báo cáo thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2022 và phương hướng thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Phước./.

Nơi nhận:

- Vụ CCHC - Bộ Nội vụ (b/c);
- TT TU; TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- LĐVP, PNC;
- Lưu VT, (T66).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
NĂM 2022**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số _____/BC-UBND ngày ____/12/2022 của UBND tỉnh)

**Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC**

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	10	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	100	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	56	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	56	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	6	
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	3	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100%	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	6	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	6	
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%	03	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	02	Đang tiến hành thanh tra 01 đơn vị
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	150	103 nhiệm vụ trong hạn
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	47	
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1 Không = 0	1	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	102.984	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	2	
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL³⁰ do địa phương ban hành	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	28	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	0	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	28	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	02	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	01	Quyết định số 51/2021/QĐ-UBND chưa đính chính thời điểm có hiệu lực của văn bản
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	38	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	01	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	01	

³⁰ Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	822	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	85	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	76	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	1.799	
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	1.302	
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	232	
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	91	
1.4.4.	Số TTHC thực hiện tại cơ quan đơn vị,	Thủ tục	74	
1.4.5.	Số TTHC thực hiện liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	100	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	58	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	42	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	1.649	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,30	
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	65.806	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	64.687	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	97,11	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	372.137	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	360.374	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,6	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	182.742	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	181.278	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	106	61 phản ánh kiến nghị đang được xử lý
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	45	

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	01	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	105	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	526	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	08	
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	80	
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	438	
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	13,36	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	1,811	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1,737	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	0	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	19	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	24,67	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	19,553	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	19,143	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	201	(trong đó có 02 Hợp đồng 68)
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	14,2	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	Hiện nay, Bộ ngành Trung ương vẫn chưa ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	09	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	35	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	06	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	434	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	22	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	02	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	05	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	57,5%	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	7.481.382	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	4.266.213	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	537	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	16	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	22	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	35	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	4	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	19	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	12	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	464	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.3.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	96	
5.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	100	
5.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	97	
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	90	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
6.4.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	167	
6.4.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	167	
6.4.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	167	
6.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.5.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	1.473	
6.5.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	1.473	
6.5.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	229	
6.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	91,82%	
6.6.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	1640	
6.6.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	1.506	
6.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	100	
6.7.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	204.565	
6.7.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	204.565	
6.8.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
6.8.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	718	
6.8.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	1.506	